

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN



I. THÔNG TIN CHUNG

1.1	Tên học phần	<i>Tiếng Việt:</i> Thực tập tốt nghiệp ngành Kế toán <i>Tiếng Anh:</i> Graduation Internship in Business Administration
1.2	Mã học phần	AC495
1.3	Thuộc khối kiến thức	Thực tập, khóa luận tốt nghiệp
1.4	Tính chất của học phần	Bắt buộc
1.5	Khoa phụ trách	Khoa Kinh tế - Quản lý
1.6	Số tín chỉ	03
1.7	Điều kiện tiên quyết	Sinh viên tích lũy được 112 tín chỉ, AC317
1.8	Thời lượng giảng dạy trực tiếp	90 giờ thực hành và tự học
1.9	Thời lượng giảng dạy kết hợp E-Learning	
1.10	Ngày ban hành	21/4/2022

2. YÊU CẦU CỦA HỌC PHẦN

Về kiến thức và kỹ năng, học phần yêu cầu sinh viên phải được trang bị trước những kiến thức cơ bản và chuyên sâu của ngành Kế toán.

Về trang thiết bị, sinh viên cần in và chuẩn bị sẵn các tài liệu để phục vụ cho việc làm báo cáo thực tập tốt nghiệp.

Về nội quy, sinh viên phải nghiêm túc thực hiện những quy định sau:

- Sau khi có danh sách phân công giáo viên hướng dẫn, sinh viên phải gặp giáo viên hướng dẫn trong thời hạn quy định.
- Trình bày báo cáo theo đúng quy định của Khoa/Bộ môn
- Đảm bảo tính trung thực của các thông tin và số liệu thu thập được tại đơn vị thực tập
- Sinh viên nộp BCTT tổng hợp theo đúng thời hạn quy định.

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần thực tập tốt nghiệp ngành Kế toán là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp trong chương trình đào tạo của ngành Kế toán thuộc Bộ môn Kế toán - Khoa Kinh tế-Quản lý. Học phần này giúp sinh viên áp dụng kiến thức chuyên ngành đã học để ứng dụng vào thực tế thông qua việc đi thực tập tại một tổ chức/doanh

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT										
		1.3.2	2.1.1	2.1.2	2.2.1	2.2.2	2.2.3	3.1.2	3.2.1	3.3.1	4.1.1	
1.2	Đánh giá ưu điểm và nhược điểm phân hành kế toán cụ thể của đơn vị thực tập	4										3
1.3	Tổng hợp và đề xuất giải pháp cho những vấn đề còn tồn tại trong phân hành kế toán của đơn vị thực tập	4										4
2.	Thực hành được những kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc chuyên môn tại bộ phận kế toán của đơn vị thực tập.											
2.1	Vận dụng nhuần nhuyễn được các kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng phát triển bản thân.				3		3	3	3			3
2.2	Thành thạo kỹ năng làm việc chuyên sâu phù hợp với chuyên ngành tại một bộ phận cụ thể thuộc đơn vị thực tập				3						3	3
2.3	Thành thực trong kỹ năng viết báo cáo đánh giá về thực trạng phân hành kế toán của đơn vị.						3				3	
2.4	Thể hiện kỹ năng nghiên cứu tài liệu, tự học						3					
3.	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và có thái độ hành xử chuyên nghiệp trong các nhiệm vụ chuyên môn											
3.1	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, tính kiên trì và quyết tâm, sẵn sàng chấp nhận thử thách và rủi ro trong các tình huống kế toán.		3									
3.2	Thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp, có tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp.			3								

K: Kiến thức 1 - Biết/Nhớ 2 - Hiểu 3 - Vận dụng 4 - Phân tích 5 - Tổng hợp 6 - Đánh giá
 A: Thái độ 1 - Tiếp nhận 2 - Hồi đáp 3 - Đánh giá 4 - Tổ chức 5 - Tính cách
 S: Kỹ năng 1 - Bất chước 2 - Thao tác được 3 - Thao tác chính xác 4 - Thao tác biến hóa 5 - Thao tác thuần thục

4. KẾ HOẠCH DẠY - HỌC

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CĐR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
1	Phân công giáo viên hướng dẫn. GV hướng dẫn tổ chức gặp mặt sinh viên hướng dẫn các yêu cầu về BCTT		10	2.4_2 3.2_2	<u>GV:</u> Giới thiệu về học phần (ý nghĩa, mục đích và các quy định của Trường và của Khoa về việc đi thực tập và viết BCTT). -Lên kế hoạch làm việc chi tiết hàng tuần <u>SV:</u> - Liên lạc với GV sau khi nhận danh sách GV hướng dẫn. - Nhận nhiệm vụ do GV giao	Không	Tài liệu [1]- Theo gợi ý của GV hướng dẫn và tài liệu của đơn vị thực tập cung cấp
2	Xác định đơn vị thực tập, bộ phận (phòng ban) thực tập cụ thể. Nhà trường cấp giấy giới thiệu cho sinh viên đi thực tập		10	2.1_3 3.2_2	<u>GV:</u> Hướng dẫn chi tiết các yêu cầu của Khoa về việc thu thập thông tin, dữ liệu và số liệu trong quá trình thực tập để viết BCTT. <u>SV:</u> - Báo cáo với GV hướng dẫn thông tin về đơn vị thực tập, bộ phận thực tập và người hướng dẫn tại đó. -Nghiên cứu kỹ quy định của Khoa về yêu cầu đối với BCTT tổng hợp	Không	Tài liệu [1]- Theo gợi ý của GV hướng dẫn và tài liệu của đơn vị thực tập cung cấp
3	Tìm hiểu chung về đơn vị thực tập như: - Quá trình hình thành và phát triển của đơn vị thực tập	0	10	1.1_3 2.1_3	<u>GV:</u> Hướng dẫn sinh viên về việc tìm hiểu những thông tin chung về đơn vị thực tập	Kiểm tra thông tin về đơn vị thực tập của sinh viên	[Tài liệu [1]- Theo gợi ý của GV

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ cấu tổ chức của đơn vị (trình bày dưới dạng sơ đồ) - Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận trong sơ đồ cơ cấu tổ chức - Lĩnh vực kinh doanh chính - Kết quả kinh doanh của đơn vị thực tập trong 2 năm gần đây 			2.2_3 2.4_3 3.1_3 3.2_3	<p><u>SV:</u> Thực hiện các quy định chung của đơn vị thực tập.</p> <p>Báo cáo với GV hướng dẫn về các thông tin thu thập được</p>		hướng dẫn và tài liệu của đơn vị thực tập cung cấp
4,5,6	Phân tích và đánh giá về thực trạng phân hành kế toán của đơn vị thực tập thông qua các số liệu thu thập		30	1.1_3 2.1_3 2.2_3 2.4_3 3.1_3 3.2_3	<p><u>GV:</u> Hướng dẫn SV cách đánh giá về thực trạng phân hành kế toán của đơn vị thực tập và định hướng SV lựa chọn phân hành kế toán phù hợp.</p> <p><u>SV:</u> Thu thập thông tin để có thể mô tả một cách đầy đủ về thực trạng phân hành kế toán của đơn vị thực tập.</p> <p>Tham gia vào một phân hành kế toán cụ thể dưới sự hướng dẫn của người hướng dẫn tại đơn vị thực tập</p>	Kiểm tra thông tin về đơn vị thực tập của sinh viên	Tài liệu [1]- Theo gợi ý của GV hướng dẫn và tài liệu của đơn vị thực tập cung cấp
7,8	Viết BCTT tổng hợp về đơn vị thực tập	0	20	1.1_3 1.2_4 1.3_4 2.1_2	<p><u>GV:</u> Hướng dẫn SV viết BCTT tổng hợp theo đúng các yêu cầu về nội dung và hình thức như đã phổ biến ở đầu kỳ.</p> <p><u>SV:</u></p>	Kiểm tra và sửa BCTT cho Sinh viên	Tài liệu [1]- Theo gợi ý của GV hướng dẫn

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
				2.2_3 2.3_3 2.4_3 3.1_3 3.2_3	Hoàn thành BCTT đúng hạn GV hướng dẫn đã giao và theo đúng yêu cầu của Khoa		và tài liệu của đơn vị thực tập cung cấp
9	Hoàn thiện BCTT có nhận xét và dấu xác nhận của đơn vị thực tập	0	10	1.1_3 1.2_4 1.3_4 2.1_2 2.2_3 2.3_3 2.4_3 3.1_3 3.2_3	<u>GV:</u> Kiểm tra lần cuối các thông tin và số liệu mà sinh viên cung cấp <u>SV:</u> Hoàn thiện lần cuối theo những nhận xét góp ý của GV hướng dẫn. Lấy nhận xét có dấu xác nhận của đơn vị thực tập.	Kiểm tra thông tin số liệu, báo cáo thực tập và xác nhận đơn vị thực tập của sinh viên	Tài liệu [1]- Theo gợi ý của GV hướng dẫn và tài liệu của đơn vị thực tập cung cấp
10	Nộp và chấm BCTT				<u>GV:</u> Đọc và chấm điểm BCTT của SV <u>SV:</u> Nộp BCTT tại Văn phòng Khoa	- Kiểm tra xác nhận của đơn vị thực tập, báo cáo kết quả kinh doanh của đơn vị được sinh viên phân tích trong BCTT.	

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CĐR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
						- Giáo viên hướng dẫn và giáo viên phân biện đọc và chấm điểm BCTT của SV	

CĐR học phần có cấu trúc: STT của CĐR học phần_n

Trong đó, n là mức độ theo Bloom:

Kiến thức	1 - Biết/Nhớ	2 - Hiểu	3 - Vận dụng	4 - Phân tích	5 - Tổng hợp	6 - Đánh giá
Thái độ	1 - Tiếp nhận	2 - Hồi đáp	3 - Đánh giá	4 - Tổ chức	5 - Tính cách	
Kỹ năng	1 - Bất chước	2 - Thao tác được	3 - Thao tác chính xác	4 - Thao tác biến hóa	5 - Thao tác thuần thục	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

Học phần triển khai kết hợp nhiều phương pháp dạy học sau:

5.1. Phương pháp Tự học

Tự học là hình thức tổ chức dạy - học cơ bản ở bậc đại học, đặc biệt là trong đào tạo theo học chế tín chỉ. Tự học là một hình thức hoạt động nhận thức của cá nhân nhằm nắm vững hệ thống tri thức và kỹ năng do chính bản thân người học tiến hành ngoài giờ học ở lớp, theo hoặc không theo chương trình đã được qui định. Tự học giúp người học rèn luyện kỹ năng tìm kiếm thông tin, tra cứu tài liệu và khám phá tri thức; rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp và tổng quát hóa tri thức; rèn luyện đức tính kiên trì, tư duy phê phán và ý chí phấn đấu; bồi dưỡng hứng thú học tập, say mê nghiên cứu khoa học và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

5.2. Phương pháp Thảo luận

Thảo luận là phương pháp dạy - học trong đó giảng viên tổ chức cuộc đối thoại giữa người học với người học hoặc giữa người học với giảng viên nhằm huy động trí tuệ của người học để đưa ra những giải pháp, kiến nghị hoặc những quan niệm mới để giải quyết một vấn đề. Thảo luận có thể giúp người học khai thác được nhiều khía cạnh của một vấn đề, giúp người học phát triển khả năng trao đổi, trình bày suy nghĩ và quan điểm một cách rõ ràng, phát triển năng lực phân tích, tổng hợp.

5.3. Phương pháp Thực tập

Thực tập là phương pháp dạy - học trong đó người học thực hiện một hoặc một nhóm công việc cụ thể tại một đơn vị sử dụng lao động, người phụ trách thực tập quan sát, hướng dẫn và nhận xét chất lượng và tiến độ hoàn thành công việc của người học. Thực tập tạo cơ hội cho người học áp dụng những kiến thức đã học trong trường vào thực tiễn, chuẩn bị trước những kỹ năng, kinh nghiệm cần thiết trước khi tham gia vào một nghề nghiệp, bước đầu xây dựng và tạo lập các mối quan hệ trong công việc.

Các phương pháp dạy - học trên tạo điều kiện cho người học thành thạo các kỹ năng chuyên môn, đạt chuẩn đầu ra của học phần, rèn luyện khả năng học tập suốt đời, đồng thời giúp cho giảng viên tổ chức hoạt động trên lớp hiệu quả hơn.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Điểm BCTT = (Điểm của GV hướng dẫn + Điểm GV chấm)/2

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá viết báo cáo thực tập (công cụ đánh giá: rubrics, phụ lục đính kèm).

7. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP PHÙ HỢP VỚI CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Phương pháp dạy - học			Phương pháp đánh giá
		Tự học	Thảo luận	Thực tập	Đánh giá BCTT
1.	Vận dụng những kiến thức chuyên ngành đã học vào một phần hành kế toán cụ thể tại đơn vị thực tập cũng như ứng dụng các kiến thức cơ sở ngành để viết BCTT tổng hợp.				
1.1.	Vận dụng các kiến thức ngành/chuyên ngành để phân tích về thực trạng phần hành kế toán cụ thể của đơn vị thực tập ¹	X	X	x	x
1.2.	Đánh giá ưu điểm và nhược điểm phần hành kế toán cụ thể của đơn vị thực tập	X	X	x	X
1.3.	Tổng hợp và đề xuất giải pháp cho những vấn đề còn tồn tại trong phần hành kế toán của đơn vị thực tập	x	X	x	X
2.	Thực hành được những kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc chuyên môn tại bộ phận kế toán của đơn vị thực tập.				
2.1	Vận dụng nhuần nhuyễn được các kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng phát triển bản thân.	x		x	x
2.2	Thành thạo kỹ năng làm việc chuyên sâu phù hợp với chuyên ngành tại một bộ phận cụ thể thuộc đơn vị thực tập	x		x	x
2.3	Thành thực trong kỹ năng viết báo cáo đánh giá về thực trạng phần hành kế toán của đơn vị.	x	x		x
2.4	Thể hiện kỹ năng nghiên cứu tài liệu, tự học				
3.	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và có thái độ hành xử chuyên nghiệp trong các nhiệm vụ chuyên môn				
3.1.	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, tính kiên trì và quyết tâm, sẵn sàng chấp nhận thử thách và rủi ro trong các tình huống kế toán.			x	x
3.2.	Thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp, có tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp.			x	x

8. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY

Tài liệu theo gợi ý của GV hướng dẫn và đơn vị thực tập cung cấp

9. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Lĩnh vực chuyên môn
1.	Đoàn Thị Hồng Nhung	TS	Kế toán tài chính
2.	Nguyễn Thanh Huyền	TS	Kế toán quản trị
3.	Đào Diệu Hằng	Th.S	Kiểm toán
4.	Vũ Thị Kim Lan	TS	Kế toán tài chính
5.	Mai Thanh Thủy	Th.S	Kế toán máy
6.	Nguyễn Thu Hoài	Th.S	Kiểm toán
7.	Nguyễn Thị Hồng Anh	Th.S	Phân tích
8.	Nguyễn Trung Thùy Linh	Th.S	Kế toán quốc tế

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Khoa Kinh tế - Quản lý và Bộ môn Kế toán có trách nhiệm phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể giảng viên tham gia giảng dạy thực hiện.

- Giảng viên có nhiệm vụ phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể người học vào tiết học đầu tiên của học phần.

- Giảng viên thực hiện theo đúng nội dung và kế hoạch giảng dạy trong đề cương chi tiết học phần đã được duyệt.

TRƯỞNG KHOA**TRƯỞNG BỘ MÔN****NGƯỜI BIÊN SOẠN**


GS.TS. Nguyễn Khắc Minh



TS. Nguyễn Thanh Huyền



TS. Nguyễn Thanh Huyền

PHỤ LỤC A: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS)

Rubrics 1. Tiêu chí đánh giá báo cáo thực tập

STT	Tiêu chí		Điểm 9-10	Điểm 7-8	Điểm 5-6	Điểm dưới 5
1	Hình thức báo cáo (15%)	Trình bày	Thực hiện đúng tất cả các yêu cầu về trình bày của Khoa. (1 lỗi: 9 điểm)	Có 2-3 loại lỗi trình bày khác nhau	Có 4-5 loại lỗi trình bày khác nhau.	Có trên 6 loại lỗi trình bày khác nhau
		Chính tả	Không có lỗi (2 lỗi khác nhau trừ 1 điểm)	Có 3-6 lỗi khác nhau	Có 7-10 lỗi khác nhau	Có từ 11 lỗi trở lên
		Văn phong	Văn phong mạch lạc, rõ ràng, dễ hiểu.	Văn phong mạch lạc, rõ ràng.	Văn phong không thật mạch lạc, rõ ràng và gây khó khăn cho người đọc hiểu vấn đề.	Văn phong không mạch lạc, rõ ràng và gây nhiều khó khăn cho người đọc hiểu vấn đề
2	Kết cấu báo cáo (10%)	Bố cục hợp lý	Phân bổ hợp lý số trang giữa các chương.	Phân bổ hợp lý số trang giữa các chương.	Phân bổ chưa thật hợp lý số trang giữa các chương	Phân bổ không hợp lý số trang giữa các chương
		Tính logic	Có tính hệ thống và liên kết cao giữa các nội dung trong báo cáo	Có tính hệ thống và liên kết giữa các nội dung trong báo cáo	Tính hệ thống và liên kết giữa các nội dung trong báo cáo thấp	Không có tính hệ thống và liên kết giữa các nội dung trong báo cáo (hoặc rất thấp)
		Tên các báo cáo, đề mục:	Tên báo cáo, tên các mục ngắn gọn, súc tích và phản ánh đúng nội dung.	Tên báo cáo, tên các mục ngắn gọn, súc tích và gần như phản ánh đúng nội dung.	Tên báo cáo, tên các mục ngắn gọn, súc tích và chưa đủ phản ánh đúng nội dung.	Tên báo cáo, tên các mục dài dòng, khó hiểu và không phản ánh đúng nội dung
3	Nội dung báo cáo (50%)	Số liệu, minh chứng:	Số liệu hoặc minh chứng phong phú, cập nhật, thích hợp cho nội dung báo cáo.	Có số liệu hoặc minh chứng tương đối đầy đủ thích hợp nhưng chưa giải thích hoàn toàn nội dung báo cáo	Ít số liệu hoặc minh chứng thích hợp cho báo cáo	Hầu như không có số liệu hoặc minh chứng thích hợp cho nội dung báo cáo
		Phân tích:	Nội dung phân tích phù hợp và giải quyết được các vấn đề đặt ra trong đề tài báo cáo, công việc thực tập tại doanh nghiệp một cách rõ ràng, tin cậy.	Nội dung phân tích khá phù hợp và phần nào giải quyết được các vấn đề đặt ra trong đề tài báo cáo, công việc thực tập tại doanh nghiệp một cách rõ ràng, tin cậy.	Nội dung phân tích có tính phù hợp và đã có giải quyết được một số vấn đề đặt ra trong đề tài báo cáo, công việc thực tập tại doanh nghiệp nhưng chưa thật rõ ràng, tin cậy và mang tính chủ quan.	Nội dung phân tích chưa có tính phù hợp và gần như không giải quyết được các vấn đề đặt ra trong đề tài báo cáo, công việc thực tập tại doanh nghiệp. Lập luận không rõ ràng và không có độ tin cậy.

4	Thái độ của sinh viên (15%)		<ul style="list-style-type: none"> -Sinh viên gặp gỡ GVHD 4 lần trở lên. -Tích cực trao đổi các vấn đề về thực tập tốt nghiệp. -Chấp hành tốt các yêu cầu của giảng viên. 	<ul style="list-style-type: none"> -Sinh viên gặp gỡ GVHD 4 lần trở lên. -Có trao đổi các vấn đề về thực tập tốt nghiệp. -Chấp hành các yêu cầu của giảng viên. 	<ul style="list-style-type: none"> -Sinh viên gặp gỡ GVHD 4 lần trở lên. -Ít trao đổi các vấn đề về thực tập tốt nghiệp. -Chấp hành các yêu cầu của giảng viên. 	<ul style="list-style-type: none"> -Sinh viên gặp gỡ GVHD không đủ 4 lần (không xét tiêu chí khác). -Không trao đổi các vấn đề về thực tập tốt nghiệp -Chấp hành không tốt các yêu cầu của giảng viên.
5	Tính mới, tính sáng tạo (10%)	Ý tưởng mới, độc đáo	Có ý tưởng mới, độc đáo, có tính thực tế cao	Có ý tưởng mới và có tính thực tế	Có ý tưởng mới	Chưa có ý tưởng mới

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1	Tên học phần	Tiếng Việt: Khóa luận tốt nghiệp ngành Kế toán Tiếng Anh: Graduation Thesis on Accounting
1.2	Mã học phần	AC499
1.3	Thuộc khối kiến thức	Thực tập, khóa luận tốt nghiệp
1.4	Tính chất của học phần	Bắt buộc
1.5	Khoa phụ trách	Khoa Kinh tế - Quản lý
1.6	Số tín chỉ	06
1.7	Điều kiện tiên quyết	Thực tập tốt nghiệp ngành Kế toán Tích lũy được 124 tín chỉ TBTL \geq 6,5
1.8	Thời lượng giảng dạy trực tiếp	90 giờ
1.9	Thời lượng giảng dạy kết hợp E-Learning	
1.10	Ngày ban hành	21/4/2022

2. YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC

Về kiến thức, học phần yêu cầu sinh viên phải được trang bị trước những kiến thức về kế toán tài chính, tổ chức công tác kế toán, kế toán máy...; Điểm trung bình chung tích lũy tối thiểu là 6,5.

Về nội quy, sinh viên cần đảm bảo tiến độ làm việc theo kế hoạch do GV hướng dẫn xây dựng. Sinh viên cần nộp KLTN đúng hạn.

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần Khóa luận tốt nghiệp ngành Kế toán thuộc nhóm học phần tốt nghiệp dành cho sinh viên ngành Kế toán. Để được tham gia học phần này, sinh viên cần đạt những điều kiện nhất định về điểm trung bình chung và đã tích lũy một số các học phần chuyên ngành bắt buộc. Học phần giúp sinh viên áp dụng được những kiến thức, kỹ năng, quan điểm thái độ đã được tích lũy trong suốt thời gian học vào trong môi trường thực tế để viết khóa luận tốt nghiệp.

3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra
CO1: Nắm vững các kiến thức cần thiết nhằm hệ thống hóa, bổ sung kiến thức về chuyên ngành để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực kế toán	1.1. Sử dụng kiến thức toán để giải quyết các yêu cầu công việc kế toán trong đơn vị.
	1.2. Vận dụng kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị để giải quyết và phân tích các tình huống trong hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị
	1.3. Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về kế toán để xử lý các phần hành kế toán thực tế của đơn vị.
	1.4. Bổ sung những kiến thức về chuyên ngành từ quá trình trải nghiệm thực tế.
CO2: Trang bị cho sinh viên những kỹ năng nghiên cứu khoa học, kỹ năng giải quyết tình huống, kỹ năng soạn thảo văn bản, kỹ năng thuyết trình và kỹ năng phát triển bản thân và thái độ chuyên nghiệp trong công việc, tự định hướng nghề nghiệp cho bản thân	2.1. Có thái độ chuyên nghiệp trong công việc.
	2.2. Thể hiện kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực để thực hiện triển khai hiệu quả một đề tài nghiên cứu khoa học.
	2.3. Thể hiện kỹ năng nghiên cứu tài liệu và khám phá tri thức, có năng lực chủ động học hỏi.
CO3: Xây dựng kế hoạch triển khai phần hành kế toán cụ thể	3.1. Xác định được mục tiêu, yêu cầu của một phần hành kế toán cụ thể.
	3.2. Lập kế hoạch triển khai một phần hành kế toán của doanh nghiệp.
	3.3. Đánh giá được điểm đạt được và vấn đề còn tồn tại trong phần hành kế toán cụ thể của đơn vị.

3.2. Chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT								
		1.2.1	1.3.1	1.3.2	2.2.1	2.2.2	2.2.3	4.1.1	4.1.2	4.2.2
1.	Nắm vững các kiến thức cần thiết nhằm hệ thống hóa, bổ sung kiến thức về chuyên ngành để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực kế toán									
1.1.	Sử dụng kiến thức toán để giải quyết các yêu cầu công việc kế toán trong đơn vị.	3								

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT								
		1.2.1	1.3.1	1.3.2	2.2.1	2.2.2	2.2.3	4.1.1	4.1.2	4.2.2
1.2.	Vận dụng kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị để giải quyết và phân tích các tình huống trong hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị		4							
1.3.	Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về kế toán để xử lý các phần hành kế toán thực tế của đơn vị.			4						
1.4.	Bổ sung những kiến thức về chuyên ngành từ quá trình trải nghiệm thực tế.	3								
2.	Trang bị cho sinh viên những kỹ năng nghiên cứu khoa học, kỹ năng giải quyết tình huống, kỹ năng soạn thảo văn bản, kỹ năng thuyết trình và kỹ năng phát triển bản thân và thái độ chuyên nghiệp trong công việc, tự định hướng nghề nghiệp cho bản thân									
2.1.	Có thái độ chuyên nghiệp trong công việc.				3					
2.2.	Thể hiện kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực để thực hiện triển khai hiệu quả một đề tài nghiên cứu khoa học.					4				
2.3.	Thể hiện kỹ năng nghiên cứu tài liệu và khám phá tri thức, có năng lực chủ động học hỏi.						3			
3.	Xây dựng kế hoạch triển khai phần hành kế toán cụ thể									
3.1.	Xác định được mục tiêu, yêu cầu của một phần hành kế toán cụ thể.							4		
3.2.	Lập kế hoạch triển khai một phần hành kế toán của doanh nghiệp.								4	
3.3.	Đánh giá được điểm đạt được và vấn đề còn tồn tại trong phần hành kế toán cụ thể của đơn vị.									4

Kiến thức 1 - Biết/Nhớ 2 - Hiểu 3 - Vận dụng 4 - Phân tích 5 - Tổng hợp 6 - Đánh giá

Thái độ 1 - Tiếp nhận 2 - Hồi đáp 3 - Đánh giá 4 - Tổ chức 5 - Tính cách

Kỹ năng 1 - Bắt chước 2 - Thao tác được 3 - Thao tác chính xác 4 - Thao tác biến hóa 5 - Thao tác thuần thục

4. KẾ HOẠCH DẠY- HỌC

Thời gian	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/TL	CĐR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động đánh giá	Tài liệu tham khảo
Tuần 1	<p>Công bố danh sách sinh viên đủ điều kiện làm KLTN.</p> <p>Phân công giáo viên hướng dẫn.</p> <p>GV hướng dẫn tổ chức gặp mặt sinh viên</p>		6	2.1_3 2.2_4	<p><u>GV:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu đối với bài KLTN. - Lên thời gian biểu cho quá trình làm KLTN. - Gợi ý về hướng đề tài <p><u>SV:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên lạc với GV sau khi nhận danh sách GV hướng dẫn. - Nhận nhiệm vụ do GV giao 		
Tuần 2	Xác nhận tên đề tài khóa luận		6	1.2_4 1.3_4 2.1_3 2.2_4	<p><u>GV:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn sinh viên lựa chọn và đăng ký đề tài nghiên cứu. - Hướng dẫn SV cách tìm tài liệu tham khảo và tìm số liệu nghiên cứu. <p><u>SV:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn và đăng ký đề tài (có cân nhắc đến thời gian hoàn thành và phạm vi nghiên cứu phù hợp với yêu cầu của học phần) 		Theo gợi ý của giảng viên hướng dẫn
Tuần 3	Hoàn thành đề cương		6	1.2_4 1.3_4 2.1_3	<p><u>GV:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn viết đề cương sơ bộ 		Theo gợi ý của giảng viên

	sơ bộ của khóa luận			2.2_4 3.1_4	– Chính sửa và thông qua đề cương sơ bộ. <u>SV:</u> - Viết và nộp đề cương sơ bộ		viên hướng dẫn
Tuần 4	Hoàn thành đề cương chi tiết của khóa luận		6	1.2_4 1.3_4 2.1_3 2.2_4 2.3_3 3.1_4	<u>GV:</u> – Hướng dẫn viết đề cương chi tiết – Chính sửa và thông qua đề cương chi tiết. <u>SV:</u> - Viết và nộp đề cương chi tiết.		Theo gợi ý của giảng viên hướng dẫn
Tuần 5 và tuần 6	Hoàn thành Chương 1 của khóa luận		6	1.2_4 1.3_4 1.4_3 2.1_3 2.2_4 2.3_3 3.1_4	<u>GV:</u> – Hướng dẫn viết Chương 1 – Chính sửa và thông qua Chương 1 <u>SV:</u> - Viết và nộp Chương 1		Theo gợi ý của giảng viên hướng dẫn
Tuần 7; tuần 8 và tuần 9	Hoàn thành Chương 2 của khóa luận		6	1.1_3 1.2_4 1.3_4 1.4_3 2.1_3 2.2_4 2.3_3 3.1_4 3.2_4	<u>GV:</u> – Hướng dẫn viết Chương 2 – Chính sửa và thông qua Chương 2 <u>SV:</u> - Viết và nộp Chương 2		Theo gợi ý của giảng viên hướng dẫn
Tuần 10; tuần 11 và tuần 12	Hoàn thành Chương 3 và các Chương còn lại của khóa luận		6	1.2_4 1.3_4 1.4_3 2.1_3 2.2_4 2.3_3 3.1_4 3.2_4	<u>GV:</u> – Hướng dẫn viết Chương 3 – Chính sửa và thông qua Chương 3 <u>SV:</u> - Viết và nộp Chương 3		Theo gợi ý của giảng viên hướng dẫn

Tuần 13 và tuần 14	Hoàn thiện nội dung và cách trình bày của toàn bộ các chương khóa luận. Bổ sung các phần như Lời nói đầu, Danh mục bảng biểu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, Phụ lục		6	1.2_4 1.3_4 1.4_3 2.1_3 2.2_4 2.3_3 3.1_4 3.2_4 3.3_4	<u>GV:</u> – Hướng dẫn SV viết và hoàn thiện toàn bộ KLTN – Chỉnh sửa và thông qua toàn bộ KLTN <u>SV:</u> - Viết và hoàn thiện toàn bộ KLTN		Theo gợi ý của giảng viên hướng dẫn
Tuần 15	- Nộp bản chính thức KLTN tại văn phòng Khoa Kinh tế - Quản lý		6	2.1_3 2.2_4 2.3_3 3.1_4 3.2_4	<u>GV:</u> - Kiểm tra KLTN của SV lần cuối - Ký xác nhận đồng ý hoặc không đồng ý để SV bảo vệ KLTN <u>SV:</u> Nộp KLTN tại văn phòng Khoa Kinh tế - Quản lý		

CĐR học phần có cấu trúc: STT của CĐR học phần_n

Trong đó, n là mức độ theo Bloom:

Kiến thức 1 - Biết/Nhớ 2 - Hiểu 3 - Vận dụng 4 - Phân tích 5 - Tổng hợp 6 - Đánh giá

Thái độ 1 - Tiếp nhận 2 - Hồi đáp 3 - Đánh giá 4 - Tổ chức 5 - Tính cách

Kỹ năng 1 - Bắt chước 2 - Thao tác được 3 - Thao tác chính xác 4 - Thao tác biến hóa 5 - Thao tác thuần thục

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY- HỌC

5.1. Tự học

Tự học là hình thức tổ chức dạy học cơ bản ở bậc đại học, đặc biệt là trong đào tạo theo học chế tín chỉ. Tự học là một hình thức hoạt động nhận thức của cá nhân nhằm nắm vững hệ thống tri thức và kỹ năng do chính bản thân người học tiến hành ngoài giờ học ở lớp, theo hoặc không theo chương trình đã được qui định. Tự học giúp người học rèn luyện kỹ năng tìm kiếm thông tin, tra cứu tài liệu và khám phá tri thức; rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp và tổng quát hóa tri thức; rèn luyện đức tính kiên trì, tư duy phê phán và ý

chí phấn đấu; bồi dưỡng hứng thú học tập, say mê nghiên cứu khoa học và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

5.2. Thảo luận

Thảo luận là phương pháp dạy học trong đó giáo viên tổ chức cuộc đối thoại giữa người học với người học hoặc giữa người học với giáo viên nhằm huy động trí tuệ của người học để đưa ra những giải pháp, kiến nghị hoặc những quan niệm mới cho giải quyết một vấn đề. Thảo luận có thể giúp người học khai thác được nhiều khía cạnh của một vấn đề, có thể giúp người học rút ra được những giải pháp mới từ các ý kiến khác nhau. Ngoài ra, phương pháp này còn khiến người học chú tâm hơn đến các đề tài đang được thảo luận; giúp cho những ý tưởng và sự thể nghiệm của người học được tôn trọng; giúp cho người học hiểu rõ được những đặc điểm của quá trình thảo luận dân chủ; giúp người học phát triển khả năng trao đổi suy nghĩ và quan điểm một cách rõ ràng, phát triển năng lực phân tích và tổng hợp.

5.3. Thực hành

Thực hành được thực hiện tại phòng máy tính và được thiết kế trong các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành. Thực hành được tiến hành sau các giờ học lý thuyết nhằm mục đích giúp người học rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng phân tích, tổng hợp; rèn luyện đức tính kiên trì và bồi dưỡng hứng thú nghiên cứu khoa học.

5.4. Thực tập

Thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại công trường và các công ty để giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

6. PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Hội đồng đánh giá KLTN gồm có 5 thành viên.

Điểm KLTN= (điểm của Chủ tịch HĐ + điểm của GV hướng dẫn + điểm của Ủy viên HĐ + điểm của GV Phản biện+ điểm của Thư ký HĐ)/5.

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá viết KLTN (công cụ đánh giá: rubrics, phụ lục đính kèm).

6.1. Đánh giá chuyên cần và thái độ học tập

Đánh giá chuyên cần là đánh giá mức độ chuyên cần mà sinh viên phải tham gia lớp học. Đánh giá thái độ học tập là đánh giá mức độ sinh viên thể hiện thái độ tích cực và hợp tác trong lớp cũng như trong tinh thần đồng đội khi thực hiện nhóm. Tính chuyên cần và thái độ học tập của sinh viên được đánh giá theo các tiêu chí ở Bảng Rubric 1.

6.2. Đánh giá thuyết trình

Sinh viên chuẩn bị bài thuyết trình theo một chủ đề nghiên cứu theo yêu cầu của giảng viên. Giảng viên cho điểm sinh viên thông qua buổi trình bày báo cáo, đưa ra các câu hỏi trực tiếp và nhận các câu trả lời. Các tiêu chí để đánh giá sinh viên qua hoạt động thuyết

trình được mô tả trong Bảng Rubric 3.

6.3. Đánh giá viết báo cáo

Sinh được đánh giá thông qua trình bày/báo cáo về đề tài tại nơi thực tập, bao gồm nội dung được trình bày trong báo cáo, cách trình bày, định dạng trong báo cáo. Các tiêu chí đánh giá của phương pháp này được thể hiện trong Bảng Rubric 8.

7. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC , PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ PHÙ HỢP VỚI CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Phương pháp dạy - học				Phương pháp đánh giá		
		Tự học	Thảo luận	Thực hành	Thực tập	thái độ học tập	Chuyên cần và Thuyết trình	Viết báo cáo
1.	Nắm vững các kiến thức cần thiết nhằm hệ thống hóa, bổ sung kiến thức về chuyên ngành để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực kế toán							
1.1.	Sử dụng kiến thức toán để giải quyết các yêu cầu công việc kế toán trong đơn vị.		x				x	x
1.2.	Vận dụng kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị để giải quyết và phân tích các tình huống trong hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị	x	x	x	x	X		x
1.3.	Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về kế toán để xử lý các phần hành kế toán thực tế của đơn vị.	x	x	X	x	X	x	x
1.4.	Bổ sung những kiến thức về chuyên ngành từ quá trình trải nghiệm thực tế.	x		X	x	X		x
2.	Trang bị cho sinh viên những kỹ năng nghiên cứu khoa học, kỹ năng giải quyết tình huống, kỹ năng soạn thảo văn bản, kỹ năng thuyết trình và kỹ năng phát triển bản thân và thái độ chuyên nghiệp trong công việc, tự định hướng nghề nghiệp cho bản thân							
2.1.	Có thái độ chuyên nghiệp trong công việc.	x	x	X	x	X		

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Phương pháp dạy - học				Phương pháp đánh giá		
		Tự học	Thảo luận	Thực hành	Thực tập	thái độ học tập	Chuyên cần và	Thuyết trình
2.2.	Thể hiện kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực để thực hiện triển khai hiệu quả một đề tài nghiên cứu khoa học.			X	x	X	x	x
2.3.	Thể hiện kỹ năng nghiên cứu tài liệu và khám phá tri thức, có năng lực chủ động học hỏi.	x	x	X	x	X	x	x
3.	Xây dựng kế hoạch triển khai phần hành kế toán cụ thể							
3.1.	Xác định được mục tiêu, yêu cầu của một phần hành kế toán cụ thể.	x	x	X	x		x	x
3.2.	Lập kế hoạch triển khai một phần hành kế toán của doanh nghiệp.	x	x	X	x	X	x	x

8. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY

Tài liệu do GV hướng dẫn gợi ý dựa theo đề tài khóa luận tốt nghiệp.

9. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Lĩnh vực chuyên môn
1.	Đoàn Thị Hồng Nhung	TS	Kế toán tài chính
2.	Nguyễn Thanh Huyền	TS	Kế toán quản trị
3.	Đào Diệu Hằng	Th.S	Kiểm toán
4.	Vũ Thị Kim Lan	TS	Kế toán tài chính
5.	Mai Thanh Thủy	Th.S	Kế toán máy
6.	Nguyễn Thu Hoài	Th.S	Kiểm toán
7.	Nguyễn Thị Hồng Anh	Th.S	Phân tích
8.	Nguyễn Trung Thùy Linh	Th.S	Kế toán quốc tế

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Khoa Kinh tế - Quản lý và Bộ môn Kế toán có trách nhiệm phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể giảng viên tham gia giảng dạy thực hiện.

- Giảng viên có nhiệm vụ phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể người học vào tiết học đầu tiên của học phần.

- Giảng viên thực hiện theo đúng nội dung và kế hoạch giảng dạy trong đề cương chi tiết học phần đã được duyệt.

TRƯỞNG KHOA



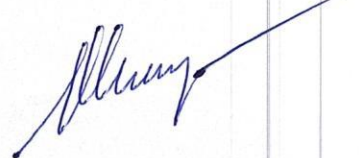
GS.TS. Nguyễn Khắc Minh

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thanh Huyền

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Nguyễn Thanh Huyền

PHỤ LỤC A: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS)

Rubrics 1. Tiêu chí đánh giá chuyên cần và thái độ học tập

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Tham gia lớp học	Đi học đầy đủ số buổi theo yêu cầu	Vắng học nhỏ hơn 10% so với quy định	Vắng học từ 10% đến nhỏ hơn 20% so với quy định	Vắng học từ 25% đến nhỏ hơn 30% so với quy định.	Vắng học quá 30% số giờ theo quy định	50%
Vào lớp học đúng giờ	Luôn đi học đúng giờ	Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút)	Vào lớp muộn 3-4 buổi	Vào lớp muộn 5-6 buổi	Vào lớp muộn >6 buổi	20%
Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày, ...)	Tích cực tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (> 75% N) (N được tính)	Thường xuyên tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~75% N hoạt động)	Có tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~50% N hoạt động)	Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~25% N hoạt động)	Không tham gia các hoạt động trên lớp	15%
Thực hiện nhiệm vụ tự học (chuẩn bị bài trước khi đến lớp, làm bài tập về nhà, ...)	Làm trên 75% bài tập cá nhân.	Làm trên 50% đến 75% bài tập cá nhân.	Làm trên 25% đến 50% bài tập cá nhân.	Làm tối đa 25% bài tập cá nhân.	Không làm bài tập cá nhân.	15%

Rubrics 3. Tiêu chí đánh giá thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung	<p>Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm.</p> <p>Nội dung phù hợp và chính xác.</p>	<p>Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm.</p> <p>Nội dung có một số phần chưa chính</p>	<p>Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm.</p> <p>Nội dung có nhiều phần chưa chính</p>	<p>Chủ đề trình bày liên quan nhưng không trọng tâm.</p> <p>Nội dung có nhiều phần chưa chính</p>	<p>Chủ đề trình bày không liên quan, không trọng tâm.</p> <p>Nội dung có nhiều phần chưa chính</p>	60%
Trình bày	<p>Slide có bố cục rõ ràng, hợp lý; màu sắc hài hòa, nêu bật nội dung.</p> <p>Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ được trình bày dễ hiểu, thể hiện tốt nội dung.</p>	<p>Slide có bố cục rõ ràng, hợp lý; nêu bật nội dung.</p> <p>Các thuật ngữ, hình ảnh, ảnh, ảnh biểu, sơ đồ được trình bày dễ hiểu, thể hiện tốt nội dung.</p>	<p>Slide có bố cục hợp lý; nêu bật nội dung.</p> <p>Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ thể hiện tốt nội dung.</p>	<p>Slide có bố cục hợp lý; màu sắc hài hòa.</p> <p>Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ thể hiện tốt nội dung.</p>	<p>Slide không được đảm bảo chất lượng theo yêu cầu.</p>	20%
Trả lời câu hỏi (chuẩn bị bài trước khi đến lớp, làm bài tập về nhà, ...)	<p>Trả lời ngắn gọn, phù hợp, lập luận sắc bén.</p> <p>Tự tin khi trả lời.</p>	<p>Trả lời ngắn gọn, phù hợp</p> <p>Tự tin khi trả lời.</p>	<p>Trả lời phù hợp</p> <p>Hơi thiếu tự tin khi trả lời.</p>	<p>Trả lời ít liên quan đến câu hỏi.</p> <p>Thiếu tự tin khi trả lời.</p>	<p>Trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.</p> <p>Thiếu tự tin khi trả lời.</p>	20%

Rubric 8 - Tiêu chí đánh giá Khoá luận tốt nghiệp

Tiêu chí		Điểm 9-10	Điểm 7-8	Điểm 5-6	Điểm dưới 5
Hình thức KLTN (15%)	Trình bày	Thực hiện đúng tất cả các yêu cầu về trình bày của Khoa. (1 lỗi: 9 điểm)	Có 2-3 loại lỗi trình bày khác nhau	Có 4-5 loại lỗi trình bày khác nhau.	Có trên 6 loại lỗi trình bày khác nhau
	Chính tả	0-2 lỗi (2 lỗi khác nhau trừ 1 điểm)	Có 3-6 lỗi khác nhau	Có 7-10 lỗi khác nhau	Có từ 11 lỗi trở lên
	Văn phong	Văn phong mạch lạc, rõ ràng, dễ hiểu.	Văn phong mạch lạc, rõ ràng.	Văn phong không thật mạch lạc, rõ ràng và gây khó khăn cho người đọc hiểu vấn đề.	Văn phong không mạch lạc, rõ ràng và gây nhiều khó khăn cho người đọc hiểu vấn đề
Kết cấu KLTN (10%)	Bố cục hợp lý	Phân bổ hợp lý số trang giữa các chương.	Phân bổ hợp lý số trang giữa các chương.	Phân bổ chưa thật hợp lý số trang giữa các chương	Phân bổ không hợp lý số trang giữa các chương
	Tính logic	Có tính hệ thống và liên kết cao giữa các nội dung trong KLTN	Có tính hệ thống và liên kết giữa các nội dung trong KLTN	Tính hệ thống và liên kết giữa các nội dung trong KLTN thấp	Không có tính hệ thống và liên kết giữa các nội dung trong KLTN (hoặc rất thấp)
	Tên KLTN, tên đề mục	Tên KLTN, tên các mục ngắn gọn, súc tích và phản ánh đúng nội dung.	Theo đánh giá của giảng viên	Theo đánh giá của giảng viên	Tên KLTN, tên các mục dài dòng, khó hiểu và không phản ánh đúng nội dung
Nội dung KLTN (55%)	Số liệu:	Số liệu phong phú, cập nhật, thích hợp cho nội dung KLTN.	Có số liệu tương đối đầy đủ thích hợp nhưng chưa giải thích hoàn toàn nội dung KLTN	Ít số liệu thích hợp cho KLTN	Hầu như không có số liệu thích hợp cho nội dung KLTN
	Phân tích:	- Phân tích, lập luận sắc sảo, có cơ sở rõ ràng, tin cậy. - Giải pháp đưa ra có sự kết nối chặt chẽ với thực trạng và hạn chế ở phần đánh giá chung	- Phân tích, lập luận có cơ sở rõ ràng, tin cậy. - Giải pháp đưa ra có sự kết nối với thực trạng và hạn chế ở phần đánh giá chung	- Phân tích, lập luận cơ sở chưa thật rõ ràng, tin cậy và mang tính chủ quan. - Giải pháp đưa ra có sự kết nối tương đối với thực trạng và hạn chế ở phần đánh giá chung	- Phân tích, lập luận không có cơ sở rõ ràng, tin cậy - Giải pháp đưa ra không có sự kết nối tương đối với thực trạng và hạn chế ở phần đánh giá chung
Thái độ của sinh		-Sinh viên gặp gỡ GVHD 6 lần trở lên.	-Sinh viên gặp gỡ GVHD 5 lần trở lên.	-Sinh viên gặp gỡ GVHD 4 lần trở lên.	-Sinh viên gặp gỡ GVHD không đủ 4

viên (10%)		-Tích cực trao đổi các vấn đề về khoá luận tốt nghiệp. -Chấp hành tốt các yêu cầu của giảng viên.	-Có trao đổi các vấn đề về khoá luận tốt nghiệp. -Chấp hành các yêu cầu của giảng viên.	-Ít trao đổi các vấn đề về khoá luận tốt nghiệp. -Chấp hành các yêu cầu của giảng viên.	lần (không xét tiêu chí khác). -Không trao đổi các vấn đề về khoá luận tốt nghiệp -Chấp hành không tốt các yêu cầu của giảng viên.
Tính mới, tính sáng tạo (10%)	Ý tưởng mới, độc đáo	Có ý tưởng mới, độc đáo, có tính thực tế cao	Có ý tưởng mới và có tính thực tế	Có ý tưởng mới	Chưa có ý tưởng mới